

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày 30/7/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Sầm Dất Phấn**

2. Bà Nguyễn Thị Quy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thành** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Định Quán, Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2018; Về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Bùi Văn Tr** **sinh năm: 1959**

Bà Phạm Thị L **sinh năm: 1966**

Cùng cư trú: số 27 khu dân cư 1 ấp Ch, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

Bà L ủy quyền cho ông Tr theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018

- Đồng bị đơn: **Ông Phan H** **sinh năm: 1965**

Bà Nguyễn Thị C **sinh năm: 1968**

Cùng cư trú: số 49 khu dân cư 2, ấp Ch, xã P, huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai.

Bà C ủy quyền cho ông H theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Đ **sinh năm: 1991**

Nơi cư trú: ấp Ch, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

2. Chị Phan Thị Diễm T **sinh năm: 1980**

Nơi cư trú: ấp Ch, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

3. Ông Trần Văn Đ1 sinh năm: 1964

Nơi cư trú: ấp 94, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

4. Anh Trần Văn T sinh năm: 1986

Nơi cư trú: ấp 5, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(Anh Đ, chị T, ông Đ1 và anh Tr có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2018, bản tường trình, các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn Tr, bà Phạm Thị L (bà L ủy quyền cho ông Tr là người đại diện) trình bày:

Ông Bùi Văn Tr, bà Phạm Thị L kinh doanh bán thức ăn chăn nuôi tại địa điểm số 14/7 ấp Ch, xã P, huyện Định Quán theo giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số 47C8005734 được Ủy ban nhân dân huyện Định Quán cấp ngày 10/7/2012, tên hiệu kinh doanh Bùi Văn Tr. Vợ chồng ông Phan H, bà Nguyễn Thị C kinh doanh mở trang trại chăn nuôi heo tại ấp Ch, xã P, huyện Định Quán đã mua thức ăn gia súc tại đại lý cám của ông Tr, bà L. Việc mua bán thức ăn gia súc (cám heo) giữa bên thỏa thuận thanh toán tiền theo hình thức “gởi đầu”, cụ thể vợ chồng ông H, bà C mua cám heo lần này thì sẽ thanh toán tiền cám thiếu lần trước. Ông Tr, bà L sẽ giao cám tại trang trại chăn nuôi của ông H, bà C. Ngày 03/2/2016 giữa vợ chồng ông Tr và vợ chồng ông H, bà C có chốt sổ số tiền ông H, bà C còn nợ tiền cám là 1.022.580.000đ (một tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng). Sau đó ngày 05/2/2016 ông H, bà C tiếp tục mua cám của vợ chồng ông Tr, cụ thể ông H, bà C mua 100 bao cám loại 9040, với giá 221.000đ/01 bao cám loại 9040, thành tiền là 22.100.000đ; 150 bao cám loại 9034 với giá 278.000đ/01 bao cám loại 9034, thành tiền là 41.700.000đ; 150 bao cám loại 9104 với giá 253.000đ/01 bao cám loại 9104, thành tiền là 37.950.000đ; 10 bao cám loại 9050 với giá 246.000đ/01 bao cám loại 9050, thành tiền là 2.460.000đ; 20 bao cám loại GF01 với giá 637.000đ/01 bao cám loại GF01, thành tiền là 12.740.000đ và 50 bao cám loại 9024 với giá 365.000đ/01 bao cám loại 9024, thành tiền là 18.250.000đ.

Các lần tiếp theo ông H, bà C mua cám thì giữa hai bên lại ghi vào sổ mua cám thể hiện loại cám, số lượng cám mua và giá trị mỗi loại cám để tính thành tiền. Sau đó cộng với số tiền nợ cám trước đó mà ông H, bà C còn nợ (số tiền ông H, bà C nợ cám trước đó là 1.022.580.000đ).

Ông H, bà C thanh toán tiền cám cho ông Tr, bà L thì ông Tr, bà L sẽ ghi vào sổ mua cám số tiền trả, ngày trả nợ và có chữ ký xác nhận của ông H (theo như sổ ghi nợ đã cung cấp cho Tòa án). Ngày 18/01/2018 ông H, bà C cùng vợ chồng ông Tr chốt sổ nợ, ông H, bà C còn nợ ông Tr, bà L tổng số tiền mua cám heo là 1.351.332.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng). Từ thời gian đó trở đi ông Tr,

bà L đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà C thanh toán nợ nhưng ông H, bà C không thanh toán.

Nay ông Tr, bà L yêu cầu ông H, bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn gia súc (cám heo) còn nợ là 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng). Ông Tr, bà L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên.

Ngoài ra, ông Tr, bà L không còn yêu cầu gì khác.

Theo các bản giải trình và lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa đồng bị đơn ông Phan H, bà Nguyễn Thị C (bà C do ông H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Vợ chồng ông H, bà C kinh doanh trang trại nuôi heo tại ấp 94, xã T huyện Định Quán từ khoảng năm 2012 mục đích để thu lợi nhuận phát triển kinh tế gia đình. Đến khoảng tháng 03/2018 thì không nuôi nữa do làm ăn thua lỗ. Quá trình nuôi heo thì ông H, bà C đã mua cám heo tại đại lý cám của ông Tr, bà L. Hai bên thỏa thuận, ông H, bà C sẽ lấy cám heo về chăn nuôi trước đến khi bán heo sẽ thanh toán tiền cám cho ông Tr, bà L. Quá trình mua cám của đại lý ông Tr, bà L thì việc lấy cám heo, thanh toán tiền mua cám và nợ tiền cám của ông Tr bà L mặc dù chỉ có ông H ký tên trong sổ ghi chép việc mua cám “Chú H” nhưng bà C đều biết và đồng ý.

Theo ông H, bà C giá trị cám heo từ năm 2012 đến tháng 03/2018 tại đại lý cám của ông Tr, bà L cao hơn giá cám lấy trực tiếp tại công ty nhưng do thời điểm đó ông H, bà C đang khó khăn về kinh tế nên vẫn tiếp tục lấy cám của ông Tr, bà L và không có ý kiến gì. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông H, bà C không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề trên.

Do ông H, bà C nợ tiền cám của ông Tr, bà L nên ông bà đã bán nhà đất tọa lạc tại ấp 94, xã T cho ông Tr, bà L. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông H, bà C không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề trên.

Theo thỏa thuận giữa ông H, bà C và ông Tr, bà L thì ông Tr, bà L sẽ cho ông H, bà C thanh toán tiền nợ cám mỗi tháng 20.000.000đ. Khoảng tháng 02/2018 ông H, bà C đã thanh toán cho ông Tr, bà L được số tiền 20.000.000đ. Từ tháng 3/2018 đến nay do việc kinh doanh nuôi heo thua lỗ nên ông bà không thanh toán như đã thỏa thuận. Nay ông H, bà C đề nghị được tiếp tục thực hiện thỏa thuận trên.

Theo ông H, bà C trong quá trình mua bán cám heo, ông bà mua cám với số tiền lớn nhưng không thấy ông Tr, bà L giao hóa đơn bán lẻ cho ông bà mà hai bên chỉ ghi nhận trong sổ ghi chép việc mua cám “Chú H” như nguyên đơn đã cung cấp.

Việc giao nhận cám, thanh toán tiền cám giữa ông H, bà C với đại lý cám của ông Tr, bà L thì ông Tr, bà L trình bày như trên, ông H, bà C thừa nhận là đúng. Nhưng do quá trình kinh doanh chăn nuôi heo bị thua lỗ nên ông H, bà C còn nợ số tiền cám của ông Tr, bà L là 1.351.332.000đ.

Nay ông H, bà C thừa nhận vợ chồng ông bà còn nợ tiền mua cám heo của ông Tr, bà L số tiền là 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng). Nhưng ông H, bà C chỉ đồng ý thanh toán số tiền 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) với điều kiện ông Tr, bà L cho ông H, bà C trả mỗi tháng 20.000.000đ theo như cam kết của ông H vào ngày 09/9/2017.

Ngoài ra, ông H, bà C không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2018 và tại phiên tòa, ông Bùi Văn Tr, bà Phạm Thị L (bà L ủy quyền cho ông Tr là người đại diện) căn cứ vào sổ ghi chép việc mua bán cám “Chú H” với ông Phan H, bà Nguyễn Thị C thể hiện ngày 18/01/2018 hai bên chốt số nợ tiền cám là 1.351.332.000đ để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Định Quán thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Việc thụ lý vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện, đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 317, 319 Luật Thương mại 2005 và khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 04/5/2018 bà Phạm Thị L ủy quyền cho ông Bùi Văn Tr; Ngày 10/7/2018 bà Nguyễn Thị Ch ủy quyền cho ông Phan H. Tại phiên tòa, ông H xác định bà C, sinh năm: 1968; ông H, ông Tr xác nhận vẫn tiếp tục nhận ủy quyền từ bà C, bà L và không có thay đổi gì. Việc ủy quyền của các đương sự bằng văn bản và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nên hợp lệ (BL 19, 130). Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà Nguyễn Thị C nhưng bà C đã ủy quyền cho ông Phan H đại diện tham gia tố tụng, nên áp dụng khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Quan hệ mua bán hàng hóa là thức ăn gia súc (cám heo) giữa vợ chồng ông Phan H, bà Nguyễn Thị C với đại lý cám của ông Bùi Văn Tr, bà Phạm Thị L (có đăng ký kinh doanh theo quy định) được hình thành trên cơ sở thỏa thuận của hai bên về hình thức giao nhận cám, số lượng, loại cám hai bên mua bán, thời hạn thanh toán tiền cám và số tiền nợ cám. Xét quan hệ mua bán hàng hóa (cám heo) giữa vợ chồng ông Phan H, bà Nguyễn Thị C với ông Bùi Văn Tr, bà Phạm Thị L là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, ông Bùi Văn Tr và bà Phạm Thị L yêu cầu vợ chồng ông Phan H, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng số tiền mua cám heo còn nợ là 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng). Ông Tr, bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên, ngoài ra ông Tr, bà L không còn yêu cầu gì khác. Xét yêu cầu của ông Tr, bà L là có cơ sở; bởi lẽ, ông Tr, bà L đã cung cấp được sổ ghi chép mua bán cám “Chú H” ghi nhận từ ngày 03/02/2016 ông H, bà C đã mua cám tại địa lý cám của ông Tr, bà L và đến ngày 18/01/2018 hai bên chốt số nợ tiền cám là 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) có chữ ký, chữ viết của ông H (BL từ 86 đến 105). Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn ông H, bà C đã thừa nhận việc mua

bán cám, số lượng, loại cám hai bên mua bán, thanh toán tiền cám, tiền nợ cám và chữ ký, chữ viết của ông H theo sổ ghi chép mua bán cám “Chú H” vào ngày 03/02/2016 là hoàn toàn tự nguyện và đúng (BL 109, 110).

Ngày 18/9/2017 ông H, bà C cam kết sẽ thanh toán cho ông Tr, bà L mỗi tháng 20.000.000đ tiền nợ cám (BL 100) nhưng do ông H, bà C thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết nên ông Tr, bà L không đồng ý để ông H, bà C thanh toán mỗi tháng 20.000.000đ. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông H, bà C đã thừa nhận sự việc trên.

Xét thấy, ông Tr, bà L khởi kiện đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của bị đơn, nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà C (bà C do ông H là người đại diện theo ủy quyền) thừa nhận việc hai bên thỏa thuận mua bán cám, hình thức giao nhận cám heo, số lượng, loại cám hai bên mua bán, thời hạn thanh toán tiền cám và số tiền nợ cám theo sổ ghi chép mua bán cám “Chú H” vào ngày 03/02/2016 như nguyên đơn cung cấp là đúng. Ông H, bà C thừa nhận còn nợ tiền mua cám heo của ông Tr, bà L là 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) (BL 109, 110). Nhưng ông H, bà C yêu cầu thanh toán số tiền trên với điều kiện ông Tr, bà L cho ông H, bà C trả mỗi tháng 20.000.000đ.

Ông H, bà C thừa nhận đã thực hiện không đúng nghĩa vụ như cam kết vào ngày 18/9/2017 do thời điểm đó vợ chồng ông bà kinh doanh nuôi heo bị thua lỗ.

Do ông H, bà C đã vi phạm cam kết trả mỗi tháng 20.000.000đ nên ông Tr, bà L không đồng ý theo yêu cầu của ông H, bà C. Xét yêu cầu của ông H, bà C không được nguyên đơn đồng ý, trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Ông H, bà C cho rằng giá trị cám heo từ năm 2012 đến tháng 03/2018 lấy tại đại lý cám của ông Tr, bà H cao hơn giá cám lấy trực tiếp tại công ty nhưng do thời điểm đó ông H, bà C đang khó khăn về kinh tế nên vẫn tiếp tục lấy cám của ông Tr, bà L và không có ý kiến gì. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông H, bà C không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề trên nên không xem xét.

Do ông H, bà C nợ tiền cám của ông Tr, bà L nên ông bà đã bán nhà đất tọa lạc tại ấp 94, xã T, huyện Định Quán cho ông Tr, bà L. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông H, bà C không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

Ông Tr, bà L không cung cấp hóa đơn bán lẻ cho ông H, bà C mà hai bên chỉ ghi nhận trong sổ ghi chép việc mua cám “Chú H” như nguyên đơn đã cung cấp là trên cơ sở các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau, không vi phạm hợp đồng mua bán nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí:

Ông Phan H và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Hoàn trả cho ông Tr, bà L số tiền tạm ứng án đã nộp theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng. Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
- Áp dụng Điều 24, Điều 34, Điều 35, khoản 1 Điều 50, Điều 317 và Điều 319 Luật Thương mại 2005;
- Áp dụng Điều 430 Bộ Luật dân sự 2015
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Tr và bà Phạm Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc ông Phan H và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Bùi Văn Tr và bà Phạm Thị L số tiền mua cầm heo nợ là 1.351.332.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành phải trả thêm lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005

2. Về án phí:

Ông Phan H và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 52.539.960đ (năm mươi hai triệu, năm trăm ba mươi chín ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) [36.000.000đ + (551.332.000đ x 3%)].

Hoàn trả cho ông Tr, bà L số tiền tạm ứng án đã nộp là 26.270.000đ (hai mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 004860 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND HDQ;
- Chi cục THADS HDQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường